TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**:** 03 /2018/DS-ST
Ngày: 07/3/2018
Về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D
TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Duy Nguyện
Bà Bùi Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Thành Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-DS ngày 07/02/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Ng
Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh K.
Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị N – sinh năm 1958; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn H, xã S, huyện D, K; Chỗ ở: tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh K (văn bản ủy quyền lập ngày 17/10/2017). Bà N có mặt

2. Bị đơn: Ông Lê Hùng D
Bà Nguyễn Thị C
Địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện D, tỉnh K. Ông D, bà C vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, bản tự khai, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bà Phạm Thị N trình bày:*

Năm 2013, con dâu của bà là Nguyễn Thị Bích Ng có cho vợ chồng ông Lê Hùng D và bà Nguyễn Thị C vay 02 lần với tổng số tài sản là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); 03 (ba) chỉ vàng loại 96% và 01 (một) chỉ vàng loại 99%, các bên có

lập giấy vay mượn, không hẹn thời hạn trả. Sau nhiều lần đòi nợ thì đến đầu năm 2017 vợ chồng ông D, bà C đã trả được số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và 0,5 chỉ vàng loại 96%. Ông D, bà C còn nợ lại 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng loại 96% và 01 (một) chỉ vàng loại 99% và hẹn đến cuối tháng 01 năm 2017 sẽ trả hết số vàng còn nợ. Nhưng từ đó đến nay, con dâu bà đã nhiều lần nhắc nhở đòi nhưng ông D, bà C không chịu hoàn trả số nợ trên. Do thời hạn vay đã lâu, nay bà yêu cầu ông D, bà C hoàn trả lại tài sản cho con dâu bà số vàng còn nợ là: 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng loại 96% và 01 (một) chỉ vàng loại 99% . Bà không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**Tại bản tự khai ngày 24/10/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Ngày 01/6/2013 bà và chồng bà là Lê Hùng D có mượn của bà Nguyễn Thị Bích Ng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và 01 (một) chỉ vàng 96%. Ngày 04/7/2013, vợ chồng bà có mượn tiếp của cô N 02 (hai) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%. Tổng cộng vợ chồng bà mượn của bà Ng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), 03 (ba) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%. Vợ chồng bà đã trả cho bà Ng được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và ½ chỉ vàng, còn nợ lại 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%. Bà cam kết đến ngày 24/11/2017 trả hết nợ.

Bị đơn ông Lê Hùng D đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tòa. Sau khi trình bày bản tự khai ngày 24/10/2017, bà Nguyễn Thị C cũng không đến Tòa để giải quyết vụ án mặc dù tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần không có lý do, vì vậy Toà án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích Ng số vàng là: 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông D.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D trả lại tài sản là 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Bích Ng yêu cầu vợ chồng ông Lê Hùng D và bà Nguyễn Thị C trả số vàng còn nợ là 2,5

(hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%, các bên có lập giấy mượn và ký tên; yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích Ng là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Năm 2013 bà Nguyễn Thị Bích Ng có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D vay 02 lần với số tiền và vàng là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), 01 (một) chỉ vàng 99%, 03 (ba) chỉ vàng 96%. Đầu năm 2017, bà C và ông D đã trả cho bà Ng được 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) và 0,5 (không phẩy năm) chỉ vàng 96%. Còn nợ lai bà Ng 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%. Bị đơn bà Nguyễn Thị C cũng thừa nhận việc vay trả như trình bày của nguyên đơn. Việc vay mượn các bên có giấy xác nhận nợ nên đây là giao dịch hợp pháp nên cần được công nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích Ng như sau:

Việc vay mượn tiền và vàng nêu trên giữa bà Nguyễn Thị Bích Ng và vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Lê Hùng D có viết giấy và được các bên thừa nhận nên đây là giao dịch hợp pháp. Căn cứ vào giấy nhận nợ, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, nên yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D trả số vàng còn nợ là 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99% là có căn cứ. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích Ng số vàng còn nợ là 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xem xét.

[6] Án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số vàng phải trả là 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99% quy ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm tuyên án.

Cụ thể: + 01 (một) chỉ vàng 99% có giá trị quy đổi tiền đồng là: 3.677.000 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng);

+ 01 (một) chỉ vàng 96% có giá trị quy đổi tiền đồng là: 3.505.000 đồng (ba triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

Án phí tương đương tiền Việt Nam đồng quy đổi là:

- 01 chỉ vàng 99% x 3.677.000 đồng = 3.677.000 đồng;
- 2,5 chỉ vàng 96% x 3.505.000 đồng = 8.762.500 đồng.

Số tiền án phí bị đơn phải chịu là: (3.677.000 đồng + 8.762.000 đồng) x 5% = 621.950 đồng, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Bích Ng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 463; Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích Ng 2,5 (hai phẩy năm) chỉ vàng 96% và 01 (một) chỉ vàng 99%.

2. Án phí: bà Nguyễn Thị C và ông Lê Hùng D phải chịu 621.950 đồng *(sáu trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bích Ng 500.000 đồng *(năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018353 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. ***Quy định**: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận